

TỈNH ỦY CAO BẰNG  
TRƯỜNG CT HOÀNG ĐÌNH GIONG

\*

ĐẢNG CÔNG SẢN VIỆT NAM

Cao Bằng, ngày 14 tháng 4 năm 2026

**ĐIỂM THI**

Lớp: Trung cấp Lý luận chính trị khóa 34

Môn: Phần B.II. Đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam

Ngày thi: 22/03/2026

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
1	Nông Thị Vân Anh	7,50	Bảy phẩy năm	32	Hứa Văn Lập	7,50	Bảy phẩy năm
2	Hoàng Thị Hoài Anh	7,00	Bảy	33	Nông Thùy Linh	7,50	Bảy phẩy năm
3	Hoàng Văn Biên	7,75	Bảy phẩy bảy năm	34	Nguyễn Thị Linh	7,00	Bảy
4	Triệu Thị Bình	8,00	Tám	35	Lương Quang Linh	8,00	Tám
5	Nông Văn Chấn	7,50	Bảy phẩy năm	36	Nguyễn Thùy Mai	7,50	Bảy phẩy năm
6	Tô Quỳnh Châu	7,50	Bảy phẩy năm	37	Lý Thị Ngọc Mai	7,50	Bảy phẩy năm
7	Nguyễn Đình Chiến	6,50	Sáu phẩy năm	38	Phạm Đại Nam	8,00	Tám
8	Nông Văn Đạt	8,00	Tám	39	Linh Thị Ngà	7,50	Bảy phẩy năm
9	Trần Thùy Dương	7,25	Bảy phẩy hai năm	40	Nông Đình Nghĩa	7,25	Bảy phẩy hai năm
10	Ngân Bích Duyên	7,00	Bảy	41	Bùi Thị Hồng Ngọc	8,00	Tám
11	Ngân Thế Duyệt	8,00	Tám	42	Nông Thị Hồng Ngọc	8,25	Tám phẩy hai năm
12	Lãnh Ngọc Hiền	7,00	Bảy	43	Đào Ánh Nguyệt	8,00	Tám
13	Lê Thị Hiền	7,75	Bảy phẩy bảy năm	44	Vi Thị Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
14	Triệu Quang Hiệp	7,00	Bảy	45	Hoàng Thị Hồng Nhung	7,50	Bảy phẩy năm
15	Nông Thị Hiệu	7,75	Bảy phẩy bảy năm	46	Vi Minh Quang	7,50	Bảy phẩy năm
16	Nông Trịnh Hồ	7,00	Bảy	47	Tô Thị Quyên	7,00	Bảy
17	Hà Mộng Hoa	7,50	Bảy phẩy năm	48	Đình Văn Tập	6,00	Sáu
18	Lương Văn Hối	7,00	Bảy	49	Nguyễn Hữu Thắng	7,25	Bảy phẩy hai năm
19	Nông Thị Thúy Hồng	8,00	Tám	50	Long Văn Thành	7,00	Bảy
20	Đàm Thị Thu Huệ	8,00	Tám	51	Đàm Hải Thao	7,50	Bảy phẩy năm
21	Vũ Thu Hương	8,25	Tám phẩy hai năm	52	Nông Thị Minh Thu	6,00	Sáu
22	Nông Thu Hương	8,00	Tám	53	Đặng Thanh Thùy	8,00	Tám

*ĐBB*

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
23	Đinh Thị Huyền	8,25	Tám phẩy hai năm	54	Đàm Thị Thủy	7,00	Bảy
24	Đàm Thị Huyền	7,50	Bảy phẩy năm	55	Lê Thanh Thủy	7,75	Bảy phẩy bảy năm
25	Ma Thị Huyền	8,00	Tám	56	Đàm Thanh Tình	7,50	Bảy phẩy năm
26	Cao Thanh Kiều	8,00	Tám	57	Thang Thành Trung	7,50	Bảy phẩy năm
27	Lục Hồng Kỳ	8,00	Tám	58	Nguyễn Minh Tuấn	6,50	Sáu phẩy năm
28	Phùng Thị Hồng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	59	Phạm Minh Tuấn	8,00	Tám
29	Thân Thị Lan	8,00	Tám	60	Lưu Đức Tùng	7,50	Bảy phẩy năm
30	Lâm Thị Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	61	Trần Văn Việt	7,00	Bảy
31	Nguyễn Thị Hoàng Lan	7,75	Bảy phẩy bảy năm	62	Nguyễn Thị Xuân		<b>Thôi học</b>

**GHI ĐIỂM**



**Đoàn Thị Kim Liên**

**PHÒNG QLĐT, BD VÀ NCKH  
TRƯỞNG PHÒNG**



**Đoàn Thị Vân Thúy**

**K/T HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Hoàng Việt Hưng**